

TIẾNG VIỆT NAM TẠI TRUNG QUỐC: LỊCH SỬ VÀ TRIỂN VỌNG

PGS. TS LƯU CHÍ CƯỜNG*

1. Lịch sử

1.1 Thời kì nhà Tống đến nhà Thanh

Theo sử sách của Trung Quốc thì tiếng Việt được người Trung Quốc nhắc đến bắt đầu từ thời kì nhà Tống. Chu Khứ Phi trong cuốn *Lĩnh Ngoại đãi đáp* kể rằng: “Tôi từng sai người dịch so sánh tiếng Giao Chỉ và văn Trung Hoa, hai thứ hoàn toàn khác nhau, chỉ có chữ Hoa không cần dịch, hoàn toàn giống nhau” [1, 160]. Việt Nam bắt đầu độc lập từ thế kỉ thứ X, cho dù đầu thế kỉ thứ XI, Nhà Tống và Triều Lý có xảy ra xung đột, nhưng quan hệ giao lưu kinh tế, văn hóa vẫn là xu thế chính thời đó, cho nên trong khi lưu lại vùng Nam Trung Quốc Chu Khứ Phi biết được tiếng Việt.

Thời kì nhà Nguyên, ở Trung Quốc không có một cuốn sách nào nhắc đến tiếng Việt. Nhưng theo *Đại Việt sử kí toàn thư* thì lúc đó người Việt hiểu tiếng Trung tương đối nhiều.

Thời nhà Minh, những ghi chép liên quan đến tiếng Việt mới ngày càng nhiều. Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương chủ trương chính sách lắng giềng thân thiện, phát triển quan hệ hữu nghị với các nước xung quanh. Năm 1382, triều đình nhà Minh ra dụ biên

soạn *Hoa di dịch ngữ* là bộ sách sử dụng tiếng Hoa để ghi lại tiếng nước ngoài hoặc tiếng các dân tộc khác. Trong bộ sách có cuốn *An nam dịch ngữ*, là cuốn sách ghi lại tiếng Việt nhiều nhất thời phong kiến Trung Quốc. [4, 139-140]. Năm 1407, triều đình nhà Minh cho thiết lập Đề Đốc Tứ di quan, cơ quan chuyên phụ trách tiếp đón cống sứ nước ngoài và phiên dịch văn thư qua lại. Theo Minh Hội Điển thì thời kì nhà Minh có 2 thông sự chính thức chuyên phụ trách phiên dịch tiếng Việt. Trong khi đó ở triều Minh có tới 3 người phụ trách dịch tiếng Chăm [5a]. Nhưng phần lớn những thông sự này chưa được đào tạo qua chuyên môn. Họ là những người đến từ biên giới hoặc là di dân người Việt, người Chăm. Để đáp ứng nhu cầu bang giao, năm 1421, triều đình nhà Minh ra dụ tuyển thái học sinh ưu tú để học tiếng và chữ nước ngoài. Nhưng do lúc đó Việt Nam vẫn sử dụng chữ Nho, nên thời nhà Minh chưa tuyển người chuyên học tiếng Việt. Những người chuyên phụ trách phiên dịch tiếng Việt phần lớn là các di dân người Việt sang Trung Quốc và được triều đình tuyển dụng [6].

.....

* Đại học Dân tộc Quảng Tây, Trung Quốc.

Nhà Thanh tiếp nối thể chế của nhà Minh, nhưng do nhà Thanh thực hành chính sách “bế quan tỏa cảng” nên giao lưu đối ngoại đã khác hẳn thời nhà Minh. Mặc dù quan hệ giao lưu văn hóa thời kì này không bằng thời kì trước, nhưng sử sách thời nhà Thanh vẫn có nói về tiếng Việt. Từ Diêm Húc (1819 - 1886), khi làm Tuần Phủ ở Quảng Tây, đã từng dẫn quân sang Việt Nam đánh quân Pháp, trong cuốn Việt Nam tập lược, ông đã ghi lại nhiều từ ngữ tiếng Việt bằng chữ Nôm [7, 106].

Như vậy, trong suốt thời kì nhà Tống đến thời Minh, tiếng Việt chưa được nhà thống trị hoặc nhà giáo dục Trung Quốc coi trọng. Chúng tôi cho rằng có hai nguyên nhân chính. Một là do ý thức “thiên triều” của nhà phong kiến Trung Quốc luôn coi thường ngôn ngữ các dân tộc khác, nhất là thời kì nhà Tống. *Đại Việt sử kí toàn thư* ghi lại rằng tháng 8 năm thứ 5 Thái Bình Hưng Quốc nhà Tống, Hoàng đế nhà Tống sai sứ thần sang Việt Nam, sứ thần nói rằng: “dân Việt đi lại như người dã, ta có phương tiện xe ngựa; dân Việt uống như ngựa, ta có rượu com; dân Việt cắt tóc, ta có trang phục; tiếng dân Việt như tiếng chim, ta có thi thư, sẽ dạy cho dân Việt” [3b, 405]. Hai là thời phong kiến Trung Quốc, quan niệm “xuất thân khoa cử” có một ảnh hưởng rất sâu sắc vào tư tưởng trí thức Trung Quốc, theo khoa cử tức là theo con đường chính. Do vậy, Nho sinh lúc đó hầu như không chịu bỏ khoa cử mà theo học “Di ngữ”. Theo sử sách Trung Quốc, năm 1421, vua Vĩnh Lạc triều Minh ra dụ tuyển chọn thái học sinh giỏi và ưu tú để học tiếng và chữ

các nước phiên thuộc, nhưng phần lớn thái học sinh không muốn học [8, 3921].

1.2. Thời kì nửa đầu thế kỉ XX

Tháng 11 năm 1942, do chiến tranh chống Nhật Bản cần phải có nhiều người phiên dịch tại chiến trường, nên Bộ Giáo dục Trung Hoa dân quốc đã thành lập Trường Chuyên khoa “Ngữ văn phương Đông quốc lập” tại huyện Thành Công, thành phố Côn Minh, tỉnh Vân Nam. Năm 1943, trường đăng báo tuyển sinh trong cả nước. Lúc đầu trường chỉ có bốn chuyên ngành, đó là tiếng Việt Nam, tiếng Thái Lan, tiếng Miến Điện, tiếng Ấn Độ và thời gian học là hai năm. Như vậy tiếng Việt Nam chính thức được đào tạo chuyên ngành tại Trung Quốc bắt đầu từ năm 1943. Lúc đầu giáo viên giảng dạy tiếng Việt là Hoa kiều Việt Nam. Số sinh viên học tiếng Việt cũng không nhiều, chỉ có khoảng chục người. Năm 1945, cuộc kháng chiến chống Nhật giành được thắng lợi, Trường Chuyên khoa “Ngữ văn phương Đông quốc lập” được chuyển sang Tân Khai, một thành phố gần Trùng Khánh, tỉnh Tứ Xuyên. Năm 1946, trường lại chuyển sang thành phố Nam Kinh [2, 24-26].

Năm 1949, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được thành lập, Trường Chuyên khoa “Ngữ văn phương Đông quốc lập” được sáp nhập vào khoa Đông ngữ Đại học Bắc Kinh. Một phần sinh viên tốt nghiệp từ Trường Chuyên khoa “Ngữ văn phương Đông quốc lập” được tuyển làm giáo viên giảng dạy tại Đại học Bắc Kinh. Trong đó gồm có GS Hoàng Mẫn Trung, GS Trần Ngọc Long v.v.. Họ cùng với các giáo viên khác như Nhan Bảo, Phạm

Hồng Bảo... trở thành đội ngũ giảng dạy tiếng Việt đầu tiên tại Trung Quốc. Họ không những đào tạo hàng loạt nhân tài đóng góp cho quan hệ hữu nghị Trung Việt, bản thân họ cũng trở thành chuyên gia Việt Nam về một lĩnh vực nào đó. GS Hoàng Mẫn Trung đã phiên dịch và cho xuất bản 7 tác phẩm từ tiếng Việt, trong đó có 5 cuốn là tác phẩm Văn học. GS Phạm Hồng Bảo lần đầu tiên đã phiên dịch và cho xuất bản tác phẩm của nhà sử học Minh Tranh và Trần Huy Liệu. GS Trần Ngọc Long chuyên về lịch sử và văn hóa Việt Nam, GS Nhan Bảo cũng đã phiên dịch và cho xuất bản vài tác phẩm của Việt Nam. Ngoài ra, ông còn là một chuyên gia về chữ Nôm... Hiện nay, học trò của các GS đang có vai trò quan trọng trên nhiều lĩnh vực công tác liên quan đến tiếng Việt.

Từ khi Trung Quốc mới thành lập đến những năm cuối thập niên 60 của thế kỉ XX, quan hệ Trung Quốc - Việt Nam là thân thiện nhất, đến mức chưa từng có trong quá trình bang giao. Là do Trung Quốc giúp Việt Nam chống Pháp và Mỹ, cần phải có nhiều phiên dịch đi theo chiến trường và các lĩnh vực khác. Do vậy cùng với Đại học Bắc Kinh, tiếng Việt còn được giảng dạy tại Đại học Mậu dịch Kinh tế Đối ngoại Bắc Kinh (năm 1954), Đại học Ngoại ngữ Bắc Kinh (năm 1961), Đại học Dân tộc Quảng Tây (năm 1964), Đại học Ngoại ngữ Ngoại thương Quảng Đông (năm 1970) v.v..

1.3. Thời kì nửa cuối thế kỉ XX

Từ những năm 50 đến 60 của thế kỉ XX là giai đoạn tiếng Việt được phát triển rực rỡ tại Trung Quốc. Sự phát

triển của giai đoạn này, bắt nguồn từ quan hệ chính trị hai nước, đã đào tạo hàng loạt nhân tài thông thạo tiếng Việt phục vụ cho quan hệ hữu nghị Trung - Việt thời đó và hiện nay.

Cuộc đấu tranh “Phản hữu” và 10 năm Cách mạng Văn hóa đã gây ảnh hưởng trầm trọng đến sự phát triển tiếng Việt tại Trung Quốc. Những năm 50, phong trào “Phản hữu” Trung Quốc bùng nổ, nhiều giáo viên tiếng Việt hoặc chuyên gia giảng dạy lịch sử văn hóa bị đối xử oan uổng, trong đó có hai GS của Đại học Bắc Kinh. Năm 1955, một GS tuy không phải là giáo viên dạy tiếng Việt, nhưng là cán bộ Trường Chuyên khoa “Ngữ văn phương Đông quốc lập” xưa do bị đối xử oan uổng đã tự tử. Sự kiện này đã gây ảnh hưởng không nhỏ trong tâm lí giáo viên giảng dạy tiếng Việt, vì những người này đã có công lớn trong việc tổ chức và quản lí Trường Chuyên khoa Ngữ văn phương Đông quốc lập xưa.

Năm 1966, Cách mạng Văn hóa bùng nổ tại Trung Quốc, nhiều sinh viên đã đối xử không còn thân thiện với giáo viên. Do vậy, ngành giáo dục Trung Quốc hầu như bị ngừng lại [9], nhất là trong chuyên ngành ngoại ngữ. Nhiều trường đại học ngừng tuyển sinh, nhiều giáo viên đã bị đối xử không nhân đạo. Do đó, sau năm 1976, khi Cách mạng Văn hóa kết thúc, nhiều giáo viên dạy tiếng Việt đã thôi việc giảng dạy, chuyển sang làm nghề khác. Trong 10 năm này, tiếng Việt không những không được giảng dạy, không được nghiên cứu nhiều, mà đến cả các công trình biên soạn từ điển, sách giảng dạy đều bị hoãn lại.

Năm 1977, Trung Quốc bắt đầu khôi phục lại thể chế thi đại học đã bị Cách mạng Văn hóa bãi bỏ trước đó. Một số trường đại học khôi phục tuyển sinh tiếng Việt, tiếng Việt vốn có thể đã rất được chú trọng tại Trung Quốc, nhưng lại vì quan hệ Trung - Việt lúc đó đã xấu đi nhiều, nên nhiều trường đại học không muốn tuyển sinh, nhiều sinh viên cũng không muốn học tiếng Việt, vì lo không có công ăn việc làm sau khi ra trường. Mãi đến năm 1991, quan hệ Trung - Việt được khôi phục lại bình thường. Do quan hệ chính trị, ngoại giao, văn hóa, nhất là kinh tế cần khôi phục và phát triển từng bước, nên một số trường đại học bắt đầu tuyển sinh đại học và cao đẳng để đáp ứng nhu cầu xã hội. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là các trường đại học nổi tiếng Trung Quốc ít gia tăng quy mô tuyển sinh sinh viên tiếng Việt, còn các trường tuyển sinh nhiều phần lớn tập trung ở tỉnh Quảng Tây và tỉnh Vân Nam.

Năm 1992, Đại học Dân tộc Quảng Tây ngoài tuyển sinh chính quy ra, bắt đầu đào tạo sinh viên tiếng Việt cấp cao đẳng. Phần lớn sinh viên cao đẳng được xét tuyển, không cần dự thi đại học. Cùng năm đó, Đại học Dân tộc Quảng Tây đã kết nghĩa với Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, vài năm sau, sinh viên chuyên ngành tiếng Việt được đào tạo theo mô hình “3+1” ở đây. Trong 4 năm đại học thì có 3 năm đào tạo tại Trung Quốc, 1 năm được đào tạo tại Việt Nam.

Năm 1999, Trung Quốc thi hành chính sách “Phát triển kinh tế miền Tây”, Quảng Tây và Vân Nam là hai tỉnh nằm trong chính sách này. Đây

là hai tỉnh giáp Việt Nam, vốn có quan hệ kinh tế truyền thống, do chính sách phát triển kinh tế cần có phối hợp về ngoại ngữ để giao lưu, nên quy mô đào tạo tiếng Việt lại được tăng thêm.

Như vậy, thời kì nửa cuối thế kỉ XX, tiếng Việt được phát triển tại Trung Quốc phần lớn là do quan hệ chính trị. Nhưng đồng thời nó cũng bị chính trị kìm chế, nhất là vì Cách mạng Văn hóa. Sau khi quan hệ Trung - Việt bình thường hóa, tiếng Việt được khôi phục đào tạo theo hình thức mới, trong thời kì này Đại học dân tộc Quảng Tây đã đóng góp nhiều nhất để đáp ứng nhu cầu thị trường kinh tế.

1.4. Thời kì đầu thế kỉ XXI

Thời kì này, chính sách kinh tế đã thúc đẩy ngành đào tạo tiếng Việt phát triển đến mức cao nhất chưa từng có trong lịch sử Trung Quốc. Trong đó có mấy nhân tố chính như sau:

Năm 2000, Ủy ban Dân tộc Trung Quốc đề xuất và thực thi chính sách “Hung biên phú dân” (làm hưng thịnh biên giới, để nhân dân biên giới giàu lên). Chính sách này đã một phần thúc đẩy sự phát triển của ngành đào tạo tiếng Việt tại Trung Quốc. Nhất là ở các huyện, thành phố biên giới nằm trong khu vực biên giới, nhiều lớp học thêm tiếng Việt được triển khai tuyển sinh. Lúc đó, nhân dân biên giới có một quan niệm rằng, “chỉ có biết tiếng và chữ Việt mới làm giàu nhanh được”.

Năm 2001, Trung Quốc và 10 thành viên khối ASEAN đạt được nhận thức chung là đến năm 2010 thành lập Khu Mậu dịch Tự do Trung Quốc - ASEAN. Sự kiện mang ý nghĩa lịch sử này đã làm cho quan hệ Trung Quốc -

ASEAN tiến lên một bước mới. Đặt biệt, năm 2004, Hội chợ Triển lãm Trung Quốc - ASEAN bắt đầu được tổ chức hàng năm tại thành phố Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây. Hội chợ triển lãm này đã thu hút nhiều nhà doanh nghiệp Trung Quốc và Việt Nam. Để đáp ứng nhu cầu thực tế này, phiên dịch tiếng Việt được đào tạo với số lượng nhiều hơn tất cả các thời kì trước.

Năm 2005, thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo tuyên bố sẽ khuyến khích các doanh nghiệp Trung Quốc “đi ra nước ngoài”. Việt Nam nhờ chính trị ổn định, chính sách kinh tế cởi mở, nên đã trở thành đối tượng làm ăn của nhiều doanh nghiệp Trung Quốc. Nhiều công ti và cơ quan đến các trường đại học để tuyển sinh viên tốt nghiệp tiếng Việt đi làm phiên dịch, do đó cũng đòi hỏi quy mô đào tạo phải lớn hơn nữa.

Quan hệ kinh tế Quảng Tây, Vân Nam với Việt Nam ngày càng chặt chẽ cũng làm cho chuyên ngành tiếng Việt ngày càng phát triển. Bắt đầu từ năm 2000, Việt Nam đã liên tục 10 năm trở thành đối tác thương mại hàng đầu của Quảng Tây. Đồng thời, Việt Nam cũng dần dần trở thành đối tác quan trọng của tỉnh Vân Nam. Quảng Tây và Vân Nam đã từng cạnh tranh với nhau để làm cầu nối hợp tác cho quan hệ Trung Quốc - ASEAN, nhất là phục vụ cho quan hệ Trung - Việt. Đây là nguyên nhân chính đã dẫn đến tiếng Việt được phát triển mạnh nhất tại hai tỉnh này của Trung Quốc.

Bắt đầu từ năm 1997, cựu lãnh đạo Đài Loan - Trần Thủy Biên thực thi chính sách “Nam tiến”, tức khuyến khích nhà đầu tư Đài Loan đầu tư vào Việt Nam hơn là đầu tư ở đại lục Trung

Quốc. Tuy ông Trần Thủy Biên đã thôi chức nhiều năm, nhưng hơn chục năm nay, vốn đầu tư của Đài Loan sang Việt Nam vẫn luôn đứng hàng đầu trong các nước đầu tư sang Việt Nam. Do quan niệm cùng là “Trung Hoa” và do một số nguyên nhân khác, các công ti Đài Loan kí thích hợp đồng với người Trung Quốc làm phiên dịch tiếng Việt hơn là dùng người Việt. Điều đó cũng một phần đòi hỏi quy mô đào tạo chuyên ngành tiếng Việt ở Quảng Tây và Vân Nam lớn hơn.

Như vậy, cùng với sự phát triển của giáo dục ngành nghề hóa tại Trung Quốc, nhiều trường cao đẳng, dân lập cũng tổ chức đào tạo chuyên ngành tiếng Việt, mục đích chính của họ là lợi ích kinh tế.

Vài năm gần đây, tiếng Việt đã trở thành ngoại ngữ được phát triển với tốc độ khá nhanh tại Trung Quốc, ước tính cả nước Trung Quốc có hơn 30 trường đại học đào tạo chuyên ngành này. Đó là chưa kể tiếng Việt là ngoại ngữ được đào tạo tại các trung tâm học thêm ngoại ngữ. Trong số đó có một số đại học nổi tiếng như Đại học Bắc Kinh, Đại học Ngoại ngữ Bắc Kinh, Đại học ngoại ngữ Thượng Hải, Đại học Mậu dịch Kinh tế Đối ngoại v.v.. Một số trường đại học khác như Đại học Dân tộc Quảng Tây, Đại học Ngoại thương - Ngoại ngữ Quảng Đông, Đại học Dân tộc Vân Nam v.v.. cũng là những Đại học có chất lượng trong việc đào tạo chuyên ngành tiếng Việt.

Về số lượng đào tạo, từ năm 2004 đến 2010, hàng năm Trung Quốc đào tạo sinh viên chính quy và cao đẳng chuyên ngành tiếng Việt ước tính hơn 2000 người. Tại hai tỉnh Quảng Tây

và Vân Nam, số lượng sinh viên học tiếng Việt có khi còn nhiều hơn sinh viên học tiếng Anh.

Điều đáng chú ý là quy mô đào tạo tiếng Việt phát triển chủ yếu tập trung ở hai tỉnh Quảng Tây và Vân Nam, còn tại các trường nổi tiếng như Đại học Bắc Kinh, Đại học Ngoại ngữ Bắc Kinh... số lượng đào tạo vẫn rất khiêm tốn, vì mục tiêu chính của họ vẫn là đào tạo các sinh viên cho giỏi không chỉ thuần túy về mặt tiếng Việt. Mà để có sinh viên giỏi thì không nên tuyển sinh viên nhiều, vì cán bộ giảng dạy, nguồn đào tạo cũng có hạn. Mặt khác, các đại học nổi tiếng Trung Quốc có chuyên ngành đào tạo chính của họ, không phải đại học nào cũng coi trọng đào tạo tiếng Việt như ở Quảng Tây và Vân Nam.

2. Cách thức và đội ngũ giáo viên.

2.1. Mô hình đào tạo

Mô hình đào tạo của chuyên ngành tại Trung Quốc tùy theo các trường đại học. Các trường đại học và trường cao đẳng tại Quảng Tây và Vân Nam thường áp dụng mô hình “3+1”, như Đại học Dân tộc Quảng Tây và Đại học Dân tộc Vân Nam. Những đại học áp dụng mô hình đào tạo này chủ yếu do mục đích của họ là đào tạo nhân tài mang tính ứng dụng, để phục vụ kinh tế và xã hội. Nhưng cũng có trường hợp khác, như Đại học Quảng Tây chỉ đưa sinh viên học tiếng Việt sang Việt Nam học nửa năm. Còn các trường đại học nổi tiếng khác thì thường không sang du học Việt Nam mà chỉ sang thực tập nhân dịp nghỉ hè, vì các trường đại học này thường chú trọng tới sự phát triển toàn diện của cá nhân trong tương lai chứ không chỉ hạn chế trong

một kỹ năng ngoại ngữ. Các sinh viên ngoại ngữ coi tiếng Việt là ngoại ngữ thứ hai tại các trường đại học cao đẳng đôi khi cũng sang thực tập ở Việt Nam từ 1 đến 2 tháng.

Đại học Dân tộc Quảng Tây là đại học đầu tiên áp dụng mô hình đào tạo “3+1” tại Trung Quốc. Mô hình đào tạo này đã mang lại nhiều danh tiếng cho trường. Vì nhiều sinh viên theo mô hình này thường rất giỏi về khẩu ngữ, được các cơ quan, nhất là các công ti ưa thích khi tuyển nhân viên. Tất nhiên, vài năm nay chúng tôi được biết là các trường đại học có xu thế rút ngắn thời gian du học tại Việt Nam và hiệu quả đào tạo cũng không kém gì Đại học Dân tộc Quảng Tây, tức là khả năng nói tiếng Việt không kém gì các sinh viên theo mô hình “3+1” mà kiến thức tổng hợp lại rộng hơn. Đại học Dân tộc Quảng Tây cũng đã sớm nhìn nhận vấn đề này, nhưng vì nhiều lý do nên vẫn chưa cải thiện lại mô hình đào tạo trước đây của mình.

2.2. Cán bộ giảng dạy

Cán bộ giảng dạy tiếng Việt hiện nay tại Trung Quốc có từ nhiều nguồn khác nhau. Lúc đầu, phần lớn các trường đại học có chuyên ngành tiếng Việt đều giữ lại một số sinh viên giỏi để làm giáo viên. Vài năm nay cách làm này có phần thay đổi. Như Đại học Dân tộc Vân Nam có tuyển giáo viên tốt nghiệp từ Đại học Dân tộc Quảng Tây, Đại học Ngoại thương - Ngoại ngữ Quảng Đông cũng có tuyển giáo viên đến từ Học viện Ngoại ngữ Lạc Dương và Đại học Dân tộc Quảng Tây. Điều này chứng tỏ sự giao lưu và công nhận chất lượng của nhau giữa các trường đại học dạy chuyên ngành này

ở Trung Quốc có xu thế gia tăng.

Còn các trường đại học mới mở chuyên ngành tiếng Việt thì phần lớn giáo viên đến từ Đại học Ngoại ngữ Lạc Dương và Đại học Dân tộc Quảng Tây. Vì hai đại học này đào tạo sinh viên có trình độ thạc sĩ về tiếng Việt tương đối nhiều để đáp ứng yêu cầu là một giáo viên đại học hiện nay tại Trung Quốc ít nhất phải có trình độ thạc sĩ trở lên.

Về tỉ lệ nam nữ trong cán bộ giảng dạy thì phần lớn giáo viên giảng dạy tại các trường đại học là giáo viên nữ. Vì theo quan niệm truyền thống, sinh viên nam tại Trung Quốc không thích chuyên ngành ngoại ngữ nên sau khi ra trường, nam giới thường không muốn ở lại làm giáo viên.

2.3. Nghiên cứu khoa học về tiếng Việt

Tại Trung Quốc, các giáo viên tiếng Việt tại Đại học Bắc Kinh và Học viện Ngoại ngữ Lạc Dương rất giỏi về nghiên cứu khoa học. Theo lĩnh vực nghiên cứu thì cũng có thể chia làm mấy loại. Các GS thế hệ đầu tiên tại Đại học Bắc Kinh chuyên về phiên dịch tác phẩm văn học Việt Nam sang tiếng Trung Quốc, trong đó chúng tôi không thể không nhắc đến GS Hoàng Mẫn Trung, GS Nhan Bảo và GS Phạm Hồng Khoa. Trong thời kì thập niên 50 đến 60 của thế kỉ XX, các ông đã phiên dịch hơn chục tác phẩm của Việt Nam sang tiếng Trung Quốc. Sau Cách mạng văn hóa, họ vẫn cho ra đời một số tác phẩm nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt và Văn học chữ Nôm. Các giáo viên đi theo họ phần lớn cũng là những chuyên gia về ngôn ngữ và Văn học Việt Nam.

Nhiều năm nay, các giáo viên tại Học viện Ngoại ngữ Lạc Dương là những người có nhiều tác phẩm nghiên cứu khoa học nhất trong giới Việt ngữ Trung Quốc. Vì hiện nay Học viện Ngoại ngữ Lạc Dương đang có một đội ngũ nghiên cứu khoa học nhiều nhất và mạnh nhất.

Nhiều năm nay, các giáo viên tại Đại học Bắc Kinh và Học viện Lạc Dương ra tác phẩm nghiên cứu khoa học nhiều, có lẽ bởi hai lí do chính. Một là, hai trường này đều có truyền thống làm khoa học, các thầy cô giáo thế hệ trước truyền lại cho thế hệ sau, họ có một nền tảng sâu. Hai là, hai trường đều tuyển sinh không nhiều, giáo viên có thời gian tương đối nhiều để nghiên cứu khoa học.

Các trường đại học khác có chuyên ngành tiếng Việt, vì không có truyền thống làm khoa học, hơn nữa, giờ giảng dạy dành cho giáo viên quá nhiều, nên thời gian làm khoa học tương đối ít. Điều đáng mừng là vài năm nay, các trường đại học khác cũng đang cố gắng làm nghiên cứu khoa học, vì họ đã nhận thức rằng, không có nghiên cứu, thì hiệu quả giảng dạy cũng khó nâng cao được.

2.3. Các tổ chức và hoạt động liên quan đến tiếng Việt ở Trung Quốc

Từ năm 1949 đến nay, giới giảng dạy và nghiên cứu tiếng Việt chỉ có một tổ chức chung là “Hội đồng Giảng dạy và Nghiên cứu tiếng Việt Trung Quốc”. Tổ chức này có một Chủ tịch, vài Phó Chủ tịch, người đảm chức thường là những GS có uy tín, thành viên là những giáo viên, thường là chủ nhiệm khoa tiếng Việt đương chức, thuộc các trường đảm nhiệm. Hội đồng

này thường tổ chức hội thảo trong 1 hoặc 2 năm một lần để thảo luận các vấn đề giảng dạy tiếng Việt tại Trung Quốc.

Từ năm 2003, hai năm một lần, Trung Quốc tổ chức một cuộc thi khẩu ngữ tiếng Việt mang tính toàn quốc. Hoạt động này đã đạt hiệu quả khuyến khích sinh viên cố gắng học tiếng Việt và trao đổi kinh nghiệm học tập tiếng Việt trong toàn quốc. Điều đáng nói là các hoạt động của giới Việt ngữ quá ít so với các ngoại ngữ khác như tiếng Triều Tiên (Hàn Quốc), tiếng Nhật, tiếng Thái v.v..

3. Triển vọng

3.1. Sự suy thoái trong những năm gần đây

Vài năm trước, có thể nói tiếng Việt là ngoại ngữ giữ vai trò hàng đầu tại tỉnh Quảng Tây, nhất là năm 2005, khi Chủ tịch nước Việt Nam sang thăm Đại học Dân tộc Quảng Tây. Ông đã đích thân thăm Khoa Việt ngữ trường này. Nhưng bắt đầu năm 2010, tiếng Thái Lan có xu thế vượt qua tiếng Việt trở thành ngoại ngữ có vai trò quan trọng nhất tại tỉnh Quảng Tây. Chúng tôi cho rằng tại tỉnh Vân Nam cũng có xu thế như vậy, vì Vân Nam còn gần Thái Lan hơn. Vài năm nay Thái Lan rất coi trọng ảnh hưởng của ngôn ngữ họ tại Trung Quốc, vì người ta coi nó có quan hệ chặt chẽ với lực lượng mềm (soft power) của nội lực quốc gia. Mặt khác, quan hệ chính trị kinh tế hai nước khá ổn định cũng khiến cho tiếng Thái Lan có một xu thế phát triển ổn định tại Trung Quốc.

Sự giao lưu văn hóa xã hội chịu ảnh hưởng của nhân tố chính trị. Sự phát triển của tiếng Việt cũng vậy.

Năm 2010 và 2011, trong kì tuyển sinh đại học năm 2011, nhiều trường đại học chỉ tuyển được một số lượng rất khiêm tốn sinh viên vào học chuyên ngành tiếng Việt, ít hơn hẳn so với những năm trước. Thí dụ, năm 2011, số lượng sinh viên vào học chuyên ngành tiếng Việt ở Đại học Dân tộc Quảng Tây chỉ bằng một nửa so với năm 2010. Các trường cao đẳng tại Quảng Tây cũng gặp phải tình trạng như vậy.

Tuy nhiên các trường đại học trọng điểm của Trung Quốc có thể sẽ không gặp phải tình thế này. Vì phần lớn sinh viên thi vào đại học trọng điểm Trung Quốc không phải dành cho chuyên ngành tiếng Việt, mục đích của họ là vào trường đại học trọng điểm trong đó có chuyên ngành tiếng Việt.

3.2. Tiếng Việt tại Trung Quốc sẽ có một tương lai như thế nào?

Chúng tôi nghĩ rằng, trong tương lai, tiếng Việt chắc chắn không thể bị xóa bỏ trên mục lục ngoại ngữ Trung Quốc, vì hai nước là láng giềng, đó là thực tế không thể thay đổi được, hai nước có truyền thống giao lưu về mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội v.v.. Sự phát triển của một ngôn ngữ tại Trung Quốc không thể tách rời các nhân tố tích cực như: quan hệ hữu nghị giữa Trung Quốc và Việt Nam; sự quan tâm của các cơ quan có thẩm quyền, các cơ quan giáo dục ở Trung Quốc và sự ủng hộ của phía Việt Nam; một đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu lớn mạnh và năng động; sự giao lưu thường xuyên giữa các cơ quan giảng dạy và nghiên cứu hai nước.

Là một người Trung Quốc đã học tiếng Việt Nam hơn chục năm nay, tôi nghĩ rằng tiếng Việt ở Trung Quốc

đang rất cần một môi trường ổn định để có một bước phát triển mới. Tất nhiên, điều này phải cần có thời gian. Với cương vị là một trong những giáo viên giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam, tôi nghĩ rằng chúng tôi phải có trách nhiệm giảng dạy tiếng Việt trên tinh thần lắng nghe, đồng thời cũng mong muốn giới ngôn ngữ học Việt Nam ủng hộ hơn nữa sự nghiệp đào tạo tiếng Việt tại Trung Quốc. Bởi khi chúng ta cùng thấu hiểu ngôn ngữ và văn hóa của nhau thì chắc chắn hai bên Trung - Việt sẽ càng hiểu nhau hơn, thúc đẩy sự hợp tác hữu nghị lắng nghe ở mức độ sâu sắc hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chu Khứ Phi (Nhà Tống), *Lĩnh Ngoại đãi Đáp*, Bắc Kinh, Trung Hoa Thư Cục, 1999.
2. Chen Yan, *Hồi kí Chen Yan*, Nxb Khoa học, Bắc Kinh, 2010.
3. Ngô Sĩ Liên,
 - a. *Đại Việt sử kí toàn thư*, Bản kí, Quyển 1, ĐH Tokyo, Tokyo, 1977.
 - b. *Đại Việt sử kí toàn thư*, Bản kí, Quyển 6, ĐH Tokyo, Tokyo, 1977, tr. 405.
4. Fan Honggui & Liu Zhiqiang, *Sơ Thảo Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam*, Nxb Dân tộc, Bắc Kinh, 2008.

5. Long Văn Tân (Nhà Minh),
 - a. *Minh Hội Điển*, Trung Hoa Thư Cục, Bắc Kinh, 1956.
 - b. *Minh Hội Điển*, Quyển 109, Bắc Kinh, Trung Hoa Thư Cục, 1956.
6. Liu Zhiqiang, *Tiến sĩ Giao Chi thời nhà Minh*, Tập san Khoa cử học, Nxb Xian zhuang, Số 1, 2009.
7. Từ Diêm Húc (Nhà Thanh), *Việt Nam tập lược*, Quận Phủ Ngô Châu, Quảng Tây, 1877.
8. Từ Học Tụ (Nhà Minh), *Quốc triều điển hội*, Quyển 60, Nxb ĐH Bắc Kinh, Bắc Kinh, 1993.
9. Wang Xuemei, *Khái lược về ngành ngoại ngữ trong thời kì Cách mạng Văn hóa*, Journal of Yanshan University, China, Số 2, 2011.

SUMMARY

This article is to give a brief introduction on Vietnamese as a foreign language in China. I divided the history of Vietnamese language in China into four periods: from Song to Qing dynasty; the beginning of 20th century; from the middle of 20th century to the late 20th century and since the beginning of 21st century. I will discuss the development of Vietnamese in China in the background of a new Sino - Vietnamese relationship.